

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố 3A, phường MH, thị xã CT, tỉnh BP.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 2, khu phố 2, phường MH, thị xã CT, tỉnh BP.

(Ông Đ có mặt, bà P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Trần Thị P kết hôn năm 1996 tại UBND xã MH, huyện BL, tỉnh SB (nay là UBND phường MH, thị xã CT, tỉnh BP). Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do trong quan hệ làm ăn kinh tế bà P tự quyết, không hỏi ý kiến của ông Đ. Vợ chồng sống với nhau nhưng không đồng lòng, luôn khắc khẩu, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không

thành. Nay ông Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Đ và bà P có 04 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/12/1997; cháu Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 10/01/2005; cháu Nguyễn Ngọc Thiên T2, sinh ngày 08/02/2006 và cháu Nguyễn Đắc Vĩnh P, sinh ngày 03/02/2011. Cháu T, cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ yêu cầu Tòa án giao cháu T2, cháu P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về con chung vì tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Ngọc Thiên T2, sinh ngày 08/02/2006 đã thành niên nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ giữ nguyên đối với các yêu cầu khởi kiện khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với bà Trần Thị P.

Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Đắc Vĩnh P, sinh ngày 03/02/2011 cho ông Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đình chỉ một phần yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên T2.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị P có nơi cư trú tại Tổ 2, khu phố 2, phường MH, thị xã CT, tỉnh BP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ về việc ly hôn với bà Trần Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện BL, tỉnh SB (nay là Ủy ban nhân dân phường MH, thị xã CT, tỉnh BP) theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông Đ và bà P là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ xác định vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Lời trình bày của ông Đ phù hợp với kết quả xác minh ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành. Ông Đ xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn với bà P. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông Đ và bà P có 04 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/12/1997; cháu Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 10/01/2005; cháu Nguyễn Ngọc Thiên T2, sinh ngày 08/02/2006 và cháu Nguyễn Đắc Vĩnh P, sinh ngày 03/02/2011.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, ông Đ yêu cầu Tòa án giao cháu T2, cháu P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T, cháu D đã thành niên nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Đ rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông trực tiếp nuôi cháu T2 sau ly hôn, lý do tại thời điểm xét xử, cháu T2 đã thành niên nên ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Đ về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đắc Vĩnh P. Xét thấy, từ khi ông Đ và bà P ly thân, ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 22/10/2023, cháu P có nguyện

vọng sống cùng ông Đ. Do vậy, yêu cầu của ông Đ về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu P sau khi ly hôn có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với bà Trần Thị P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Đắc Vĩnh P, sinh ngày 03/02/2011 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ về việc yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên T2 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012472 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Đính

Lương Thị Thu An

Nguyễn Minh Thư

